TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-10-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát

2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 69/X (Số mới 107A), Đường số 2X TVT, ấpGT, xã BM, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Lê Dũng L, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 69/X (Số mới 107A), Đường số 2X TVT, ấpGT, xã BM, thành phố TN, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-7-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị H, anh L trước đây chung sống từ năm 2006, đến năm 2014 thì anh chị ly hôn. Sau đó, năm 2016 Chị H, anh L chung sống vợ chồng lại và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, thành phố TN. Quá trình chung sống lại thời gian đầu giữa hai vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L đi làm không phụ tiền chăm lo cho các con, Chị H phải tự chăm lo cho con hơn nhiều tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Chị H yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Diễm H, sinh ngày 29-12-2007 và Lê Hoàng N, sinh ngày 05-9-2017. Hiện hai con sống cùng vợ chồng anh chị. Chị H yêu cầu nuôi hai con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ hai con. Hiện Chị H đang làm nhân viên bán hàng tại VINCOM, mức lương mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-7-2019, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Dũng L trình bày:* Về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian ly hôn lần đầu, thời gian đăng ký kết hôn lại, nơi đăng ký kết hôn lại như Chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì gay gắt. Tuy nhiên, do năm 2018 anh L thất nghiệp, không có việc làm và học nghề lái xe, hiện anh L chỉ mới đi làm tài xế xe Camaz được khoảng 02 tháng, lương cứng là 4.500.000 đồng/ tháng nhưng phải gối đầu 01 tháng lương nên anh chưa có tiền phụ vợ để lo cho con. Nay Chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn. Anh xin đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Diễm H, sinh ngày 29-12-2007 và Lê Hoàng N, sinh ngày 05-9-2017. Hiện hai con sống cùng vợ chồng anh chị. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Chị H yêu cầu nuôi hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ hai con thì anh L đồng ý theo yêu cầu của Chị H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị H đối với anh L; Về con chung: Giao các cháu Lê Diễm H, sinh ngày 29-12-2007 và Lê Hoàng N, sinh ngày 05-9-2017 cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ hai con cho đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được; Tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị H có yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh L cư trú tại ấp GT, xã BM, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Lê Dũng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh L là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh L đều trình bày thống nhất có chung sống từ năm 2006, đến năm 2014 thì anh chị ly hôn. Sau đó, năm 2016 Chị H, anh L tiếp tục chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã BM, thành phố TN vào ngày 11-10-2017 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L: Chị H cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do anh L đi làm không phụ tiền chăm lo cho các con. Anh L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gay gắt nhưng do năm 2018 anh L thất nghiệp, không có việc làm và học nghề lái xe, tiền lương phải gối đầu nên anh chưa có tiền phụ vợ để lo cho con. Như vậy, có cơ sở xác định giữa chị H và anh L đã có phát sinh mâu thuẫn, chị Hưởng và anh L đều trình bày thống nhất trước đây cả hai anh chị đã từng ly hôn vào năm 2014, đến năm 2016 anh chị tiếp tục chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn lại vào năm 2017 nhưng đến nay hai anh chị lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác, anh L yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng nhưng anh L không có biểu hiện, động thái tích cực và cũng không đưa ra được giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhằm mục đích

hàn gắn, đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy chị H, anh L không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh L.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Diễm H, sinh ngày 29-12-2007 và Lê Hoàng N, sinh ngày 05-9-2017. Anh chị đều thống nhất trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì giao các cháu Lê Diễm H và Lê Hoàng N cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ hai con. Trường hợp ly hôn, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi các con theo yêu cầu của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; anh L phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Dũng L. Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Dũng L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Diễm H, sinh ngày 29-12-2007 và Lê Hoàng N, sinh ngày 05-9-2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lê Dũng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Lê Diễm H và Lê Hoàng N số tiền là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng/ hai con, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được.

Anh Lê Dũng L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lê Dũng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007222 ngày 01-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Dũng L phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (Ph).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (Ph).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Dung